

Số: 05 /2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước
về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:.....C
Ngày:.....21/1/19

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 35/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công thương Quy định về Bảo vệ môi trường ngành công thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 31/2009/BCT-BTNMT ngày 04/11/2009 của Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn phối hợp giữa Sở Công thương và Sở Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực Công thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BGTVT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 48/2014/TTLT-BYT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 06/TTr-STNMT ngày 02 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 và thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- BCD thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Ban tiếp công dân (niêm yết);
- NC: TH, KT; Công TTĐT;
- Báo Đồng Khởi; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.



QUY CHẾ

**Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Những nội dung khác không đề cập trong Quy chế được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, dịch vụ có phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường và một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch. Tránh hình thức, chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, ảnh hưởng đến các hoạt động thường xuyên của mỗi đơn vị.

2. Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của cán bộ công chức, viên chức, cá nhân trong thực thi nhiệm vụ.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phối hợp trong truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

1. Xây dựng và thực hiện Chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

a. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh xây dựng và tổ chức

thực hiện Chương trình phối hợp nhằm cụ thể hóa các Chương trình phối hợp của các cơ quan Trung ương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường theo từng giai đoạn cụ thể.

b. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở chương trình phối hợp của cơ quan cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp triển khai chương trình phối hợp.

c. Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chương trình. Định kỳ 05 (năm) năm một lần tổ chức tổng kết chương trình, đánh giá, rút kinh nghiệm thông qua kết quả thực hiện và xây dựng Chương trình phối hợp trong các giai đoạn tiếp theo (nếu có).

2. Hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

a. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực và nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp, các ngành, tổ chức hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông như Website, bản tin của ngành.

b. Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho Chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước bằng các hình thức thông qua hệ thống Website, tổ chức các hội nghị, tập huấn và các hình thức khác.

c. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì hướng dẫn, tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, các hoạt động quản lý, thu gom, xử lý chất thải theo lĩnh vực quản lý.

d. Sở Thông tin và Truyền thông chủ động thực hiện và định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường tuyên truyền về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

đ. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho hội viên, đoàn viên và nhân dân.

3. Kinh phí thực hiện hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các cơ quan thực hiện hoạt động truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường hằng năm.

Điều 5. Phối hợp trong công tác quản lý chất thải

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường, Đề án bảo vệ môi trường; kiểm tra, thẩm định để xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường về chất thải theo quy định.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

a. Chủ trì, tham mưu thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án nằm trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước; tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành đối với các dự án nằm trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước.

b. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, xử lý chất thải phát sinh trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước.

c. Chủ trì tham mưu, đề xuất xây dựng quy hoạch, vận hành hệ thống xử lý chất thải trong phạm vi các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được giao quản lý.

d. Chịu trách nhiệm các vấn đề quản lý chất thải phát sinh trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước.

3. Sở Xây dựng

a. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt.

b. Không cấp phép xây dựng đối với các đối tượng (theo quyết định Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh) chưa thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Sở Y tế

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh; thực hiện quản lý rác thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a. Chủ trì, phối hợp các ngành, các cấp và các trường, viện nghiên cứu thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Bảo đảm quyền lợi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát huy sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường.

c. Kiểm soát, hạn chế các công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật để xây dựng các công trình xử lý chất thải theo quy hoạch; tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, kiểm tra việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; xử lý, giải tỏa các bãi rác tự phát, các trường hợp đổ chất thải không đúng quy định.

b. Chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan:

a. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch ngành phải tuân thủ các quy định về quy hoạch quản lý chất thải của tỉnh.

b. Hướng dẫn các đơn vị theo phân cấp quản lý chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo đúng quy định.

Điều 6. Phối hợp trong công tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn tỉnh; có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; theo dõi, đánh giá chất lượng, diễn biến môi trường trên địa bàn tỉnh và công bố công khai các thông tin theo quy định; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ trì công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của mình và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh trong việc cung cấp thông tin, số liệu, thẩm định các hồ sơ, thủ tục hoặc tham gia xử lý đối với trường hợp có liên quan đến lĩnh vực, đơn vị mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý, có trách nhiệm: xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên địa bàn và có trách nhiệm: xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; xây dựng kế hoạch đưa tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm vào mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

5. Cơ quan chủ trì trong công tác phòng ngừa và bảo vệ môi trường có quyền đề nghị các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện.

Điều 7. Phối hợp trong việc xử lý ô nhiễm môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường tại các cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (trừ trường hợp thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp) hoặc các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến địa bàn của nhiều huyện, cụ thể:

a. Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động hoặc phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b. Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc vượt quá khả năng, thẩm quyền phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường nhằm huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị để xử lý, khắc phục các sự cố môi trường.

c. Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp giải quyết ô nhiễm môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do hoạt động từ dự án trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước gây ra.

a. Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra ô nhiễm và phối hợp với các Sở, ban, ngành, có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường hoặc khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b. Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường vượt quá khả năng, thẩm quyền phải kịp thời phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn xử lý nhằm khắc phục các sự cố môi trường.

c. Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp để xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm trong các trường hợp nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, có trách nhiệm chấp thuận sự điều động của cơ quan chủ trì hoặc Ban chỉ đạo ứng phó với các sự cố môi trường (trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng) về lực lượng, phương tiện; tham gia giải quyết, xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì trong việc xử lý các trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn, trừ trường hợp do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc do Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì xử lý.

a. Khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về ô nhiễm môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành kiểm tra tại hiện trường, xử lý các đối tượng vi phạm; hướng dẫn, yêu cầu đối tượng gây ô nhiễm môi trường thực hiện ngay các biện pháp để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường hoặc khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra.

b. Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường vượt quá khả năng, thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn xử lý nhằm khắc phục các sự cố môi trường.

c. Thực hiện việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý. Trường hợp giải quyết kiến nghị về ô nhiễm môi trường nhưng chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn có văn bản trao đổi nghiệp vụ với các ngành có liên quan để được hướng dẫn và phối hợp xử lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn khu dân cư thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp có vấn đề vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật khi xảy ra các vấn đề về ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị.

7. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

Điều 8. Phối hợp trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì trong công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a. Kiểm tra, đánh giá và công bố hiện trạng môi trường sau khi đã được khắc phục; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp hạn chế, can thiệp hoặc phục hồi môi trường.

b. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và phục hồi môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, Khoản 1, Điều này; kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng các hình thức cưỡng chế, bắt buộc các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện việc khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn mình quản lý.

4. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

5. Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường:

a. Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ra ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường thì phải chịu trách nhiệm về kinh phí thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

b. Trường hợp ô nhiễm môi trường hoặc sự cố môi trường không do lỗi của tổ chức, cá nhân gây ra thì các cơ quan chủ trì phải có trách nhiệm xây dựng dự toán, dự trù nguồn kinh phí để xử lý (từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường theo quy định và ngân sách nhà nước) trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và bố trí kinh phí theo phân cấp hiện hành để thực hiện. Trường hợp ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ảnh hưởng đến địa bàn hai (02) huyện trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, tham mưu xử lý.

Điều 9. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

1. Về nguyên tắc thanh tra, kiểm tra:

a. Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với các doanh nghiệp và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Trường hợp kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo đơn thư tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, ý kiến kiến nghị của cử tri, cơ quan thông tấn, báo chí. Cơ quan được giao chủ trì phải tiến hành ngay việc kiểm tra và xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có). Không

mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra vượt quá nội dung của quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất.

c. Trường hợp phát hiện thấy nội dung, phạm vi thanh tra có chồng chéo, trùng lặp với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khác, Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải báo ngay với cơ quan hành chính cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp, tránh chồng chéo, trùng lặp và đảm bảo tính kế thừa trong hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Định kỳ hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xây dựng kế hoạch kiểm tra bảo vệ môi trường theo lĩnh vực quản lý của ngành gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp là đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, kiểm tra bảo vệ môi trường các dự án, cơ sở sản xuất trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).

6. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, kiểm tra bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Các cơ quan, đơn vị khi kiểm tra phát hiện các vi phạm vượt quá thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp giải quyết.

Khi tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành về bảo vệ môi trường, các đơn vị là thành viên có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan đến chuyên ngành quản lý để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Kết thúc thanh tra, kiểm tra, cơ quan chủ trì thông báo tới các cơ quan liên quan kết luận thanh tra, kiểm tra để cùng theo dõi, quản lý.

Điều 10. Phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

a. Khi phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm về bảo vệ môi trường xảy ra trong phạm vi quản lý phải có trách nhiệm thông báo và cung cấp tài liệu có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật.

b. Cung cấp kết quả xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền và các thông tin, tài liệu khác có liên quan cho cơ quan Công an để thực hiện công tác nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

c. Hỗ trợ kỹ thuật trong công tác lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường làm cơ sở cho cơ quan Công an lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh

a. Khi nhận được tin báo và tài liệu có liên quan về tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường do các cấp, ngành, đơn vị chuyển đến, phải kịp thời triển khai các biện pháp nghiệp vụ và xử lý theo quy định của pháp luật.

b. Thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố nơi có hành vi vi phạm kết quả xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

Điều 11. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về lĩnh vực bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b. Duy trì hoạt động đường dây nóng tiếp nhận các thông tin phản ánh của cộng đồng về các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

a. Là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và chủ trì giải quyết theo thẩm quyền về các vấn đề môi trường trong các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước.

b. Khi tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường của các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Long Phước. Ban Quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành phối hợp giải quyết.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

4. Các sở, ngành có liên quan khi tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường thuộc quản lý chuyên ngành thì có trách nhiệm xử lý theo phân cấp hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để cùng phối hợp tham gia giải quyết theo quy định.

5. Trường hợp có các ý kiến khác nhau về giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phải báo cáo lãnh đạo cùng cấp của ngành mình xem xét, giải quyết. Đối với những

vấn đề chưa thống nhất, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Phối hợp thực hiện quan trắc và công khai thông tin về môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ban Quản lý các Khu công nghiệp xây dựng kế hoạch và thực hiện quan trắc theo kế hoạch; triển khai công tác lắp đặt, theo dõi, vận hành hệ thống trạm quan trắc tự động liên tục truyền về từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải trên địa bàn tỉnh và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc môi trường theo quy định.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đảm bảo hệ thống quan trắc tự động của nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp kết nối dữ liệu tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện quan trắc môi trường định kỳ tại các khu công nghiệp, Cụm công nghiệp Phước Long trong phạm vi được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật, chia sẻ và công bố công khai thông tin về số liệu quan trắc.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia công tác quan trắc môi trường, sử dụng kết quả quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp phục vụ cho công tác quản lý môi trường ở địa phương.

Điều 13. Phối hợp xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh thông qua đường dây nóng.

1. Trách nhiệm và quyền hạn xử lý.

a. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xử lý, phản hồi thông tin đối với các trường hợp sau: các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng, có tính chất liên huyện; các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường mà quy mô cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết), Sở Tài nguyên và Môi trường (Kế hoạch bảo vệ môi trường).

b. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xử lý và phản hồi thông tin đối với các trường hợp còn lại (trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này).

2. Tiếp nhận và chuyển thông tin.

a. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Tổng cục Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi.

b. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị từ Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân; chuyển thông tin phản ánh đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Xác minh thông tin.

a. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối, đường dây nóng của tỉnh, đơn vị đầu mối cấp huyện phải báo cáo Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo xác minh thông tin.

b. Thời hạn xác minh thông tin phải được thực hiện trong vòng 24 giờ kể từ khi tiếp nhận thông tin từ cán bộ đầu mối đường dây nóng tỉnh.

4. Xử lý thông tin.

Ngay sau khi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vấn đề ô nhiễm môi trường được xác định là đúng:

a. Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời triển khai ngay các biện pháp ngăn chặn việc phát tán chất gây ô nhiễm; xác minh đối tượng gây ô nhiễm, phạm vi và mức độ ô nhiễm. Trường hợp vụ việc phức tạp, vượt quá khả năng đáp ứng của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cần thông báo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết.

b. Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải chỉ đạo thực hiện ngay các biện pháp xử lý, ngăn chặn, ứng phó ô nhiễm môi trường, xác minh đối tượng gây ô nhiễm môi trường, phạm vi và mức độ ô nhiễm. Trường hợp vụ việc phức tạp cần có sự giải quyết của nhiều cấp, nhiều ngành, phải báo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Môi trường để được hướng dẫn chỉ đạo phối hợp giải quyết.

c. Việc xử lý thông tin được hoàn thành trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được kết quả xác minh thông tin là chính xác.

5. Phản hồi thông tin.

Sau khi nhận được kết quả xử lý thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo ngắn gọn về: tính xác thực nội dung thông tin, nguyên nhân ô nhiễm, đối tượng gây ô nhiễm, mức độ và phạm vi ô nhiễm, đối tượng bị ảnh hưởng ô nhiễm, các biện pháp ngăn chặn/xử lý, định hướng triển khai các biện pháp khác trong thời gian tới, gửi cho cơ quan có thẩm quyền xem xét (đưa ra các bước xử lý tiếp theo nếu cần thiết) và cung cấp kết quả xác minh, xử lý thông tin tới người cung cấp thông tin được biết.

6. Tổ chức thực hiện.

a. Sở Tài nguyên và Môi trường đầu mối theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh; tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ 6 tháng, năm; Công khai đường dây nóng trên cổng thông tin điện tử; bố trí kinh phí phục vụ cho công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về ô nhiễm môi trường (thuộc thẩm quyền xử lý của cấp tỉnh) thông qua đường dây nóng.

b. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng quy trình phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã về xử lý các vụ việc về môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn huyện, thành phố qua đường dây nóng; công khai đường dây nóng trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; bố trí kinh phí cho việc công tác tiếp nhận và xử lý thông tin về các vấn đề ô nhiễm môi trường.

trường (thuộc thẩm quyền xử lý của huyện, thành phố) thông qua đường dây nóng; Tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả tiếp nhận, xử lý thông tin thông qua đường dây nóng định kỳ 6 tháng, năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan

Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm cụ thể sau đây:

1. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Quy chế này.

2. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về quy trình xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường; đồng thời có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc xử lý, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.



Cao Văn Trọng